

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-6-2022

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Kim Thị Sà Mết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh A Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Hà Chí Công, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông E, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn, bà A, trình bày: Vào năm 2009, bà A và ông E tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đến năm 2011, bà A và ông E tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011, quyền số I/2011, ngày 14 tháng 02 năm 2011.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông E có 01 (một) người con chung là cháu H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2009. Hiện cháu H đang sống chung với bà A cùng với ông bà ngoại tại ấp C, xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Về tài sản chung: Bà A và ông E không có tạo lập tài sản chung gì hết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông E không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Trong thời gian chung sống, do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa bà A và ông E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, không còn hiểu nhau nữa dẫn đến mâu thuẫn giữa bà A và ông E ngày càng trầm trọng hơn nên bà A và ông E đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Bà A đang sống cùng với con chung là H và cha mẹ ruột tại địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp cho đến nay; còn ông E thì chung sống với cha mẹ của ông E ở địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian sống ly thân, bà A và ông E không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông E. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2009 và không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn, ông E: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông E đến Tòa án, nhưng ông E không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông E đối với yêu cầu khởi kiện của bà A. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà A cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông E, xử cho bà A được ly hôn với ông E. Về con chung, giao cháu H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2009 cho bà A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà A không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi cháu H nên không đặt ra giải quyết. Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà A yêu cầu ly hôn với ông E và hiện nay ông E cư trú tại ấp F, xã G, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện A đã triệu tập ông E tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông E đều vắng mặt không có lý do và bà A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông E.

[3] Về hôn nhân: Bà A và ông E tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009; đến năm 2011, bà A và ông E đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp và đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011, quyển số 01/2011, ngày 14 tháng 02 năm 2011 nên hôn nhân giữa bà A và ông E là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà A yêu cầu được ly hôn với ông E với lý do trong quá trình chung sống tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, giữa bà A và ông E thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, không còn hiểu nhau nữa dẫn đến mâu thuẫn giữa bà A và ông E ngày càng trầm trọng hơn nên bà A và ông E đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, bà A và ông E không có cách nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tại Biên bản xác minh ngày 11 tháng 5 năm 2022, ông T, là cha ruột của ông E xác định, bà A và ông E đã sống ly thân khoảng 06-07 năm nay. Từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông E đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung đã không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông E, xử cho bà A được ly hôn với ông E.

[5] Về con chung, cháu H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2009, là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ; đã có cuộc sống ổn định, gắn bó cùng với bà A kể từ thời điểm bà A và ông E không còn sống chung với nhau. Đồng thời, cháu H có nguyện

vọng được sống chung với bà A và ông E cũng không thể hiện có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu H, giao cháu H cho bà A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà A không yêu cầu ông E phải cấp dưỡng nuôi cháu H nên không đặt ra giải quyết.

Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định bà A và ông E chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông E cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà A phải nộp 300.000 đồng. Bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông E. Xử cho bà A được ly hôn với ông E.

2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2009, cho bà A tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà A không có yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000917 ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi Cục THADS huyện A;
- UBND xã D, huyện Đ, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Dương Hồng Chi